

**CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 5 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 05/2023/CV – SD5

(V/v: Công bố thông tin

Báo cáo tài chính kiểm toán năm

2023)

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024

**Kính gửi:**

**Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**Ủy ban chứng khoán nhà nước**

Thực hiện quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Sông Đà 5 thực hiện công bố thông tin BCTC kiểm toán năm 2023 với SGDCK Hà Nội như sau:

**1. BCTC năm 2023 đã kiểm toán**

- BCTC kiểm toán năm 2023 theo quy định tại Khoản 3, Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại Khoản 4, Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này và ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

**2. Các giao dịch mua lại doanh nghiệp, bán tài sản:** (các giao dịch này làm thay đổi hoặc có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng tài sản trở lên trong thời gian từ tháng 01/2021 đến thời điểm này nếu có): Không có

- Nội dung giao dịch:

- Đối tác giao dịch:

- Tỷ lệ giao dịch (giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của DN căn cứ trên BCTC năm gần nhất):

- Ngày hoàn thành giao dịch:

**Tài liệu kèm theo:**

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu TCKT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



*Nguyễn Trọng Thủy*

Số: 06/SĐ5-TCKT

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận  
năm 2023 tăng hơn 10% so với cùng kỳ  
năm 2022

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

**Căn cứ:**

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 5;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty cổ phần Sông Đà 5.

Công ty cổ phần Sông Đà 5 giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2023 tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

*DVT: tỷ đồng*

Lợi nhuận	Năm 2023	Năm 2022	Biến động
Lợi nhuận sau thuế	21,051	17,438	20,72%

**Nguyên nhân:**

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 (112.558,18 triệu đồng) tăng 68.116,63 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2022 (44.441,55 triệu đồng), chi phí hoạt động tài chính năm 2023 (118.793,54 triệu đồng) tăng 39.070,77 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2022 (79.722,77 triệu đồng).
  - Thu nhập khác năm 2023 (3.801,72 triệu đồng) tăng 296,96 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2022 (3.504,73 triệu đồng), chi phí khác năm 2023 (512,24 triệu đồng) giảm 765,73 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2022 (1.277,97 triệu đồng).
- Đây là nguyên nhân chính làm lợi nhuận sau thuế năm 2023 tăng 20,72% so với cùng kỳ năm 2022.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu HCNS, TCKT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Nguyễn Trọng Thủy**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 36

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100886857, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 01 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 21 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, khu đô thị Sông Đà Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.222 555 86
- Fax : 024.222 555 58

**Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:** Xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước; xây dựng, lắp đặt và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt; thi công bằng phương pháp khoan, nổ mìn; xây dựng công trình đường bộ; khai thác, sản xuất, kinh doanh điện; kinh doanh vật liệu, vật tư xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, phụ tùng xe máy, thiết bị phụ tùng xây dựng; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh và kinh doanh bất động sản, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; khai thác cát, đá sỏi, đất sét; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; sửa chữa thiết bị điện; truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa; xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện; bán buôn các vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong ngành xây dựng.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/thời giữ chức vụ
Ông Lê Văn Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Anh Đức	Chủ tịch	Thời giữ chức vụ ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Đại Thu	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Đắc Điệp	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Ngọc Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Vũ Đức Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Quang Tuấn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Hồng Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Quang Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2021

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đắc Điệp	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2019
Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2019
Ông Nguyễn Ngọc Đông	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Trọng Thủy	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2019

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đắc Điệp – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2019).

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:


- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đắc Điệp

Ngày 07 tháng 3 năm 2024

15-002  
NHÁNH  
IG TY  
ỆM HỮU  
N VÀ TƯ  
& C  
HÀ NỘI  
1 - TP. H

Số: 2.0145/24/TC-AC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 5 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Thị Tú - Thành viên Ban Giám đốc**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1  
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2024

**Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5**

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.163.927.513.894</b>	<b>1.448.223.754.623</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>86.902.683.293</b>	<b>166.969.343.671</b>
1. Tiền	111		86.902.683.293	166.969.343.671
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>665.705.559.439</b>	<b>744.155.084.923</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	536.976.704.430	627.320.077.755
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	126.396.764.259	117.973.920.739
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	2.970.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	11.631.805.323	9.105.428.418
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(12.269.714.573)	(10.244.341.989)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>349.497.699.637</b>	<b>472.129.986.896</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	349.497.699.637	472.129.986.896
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>61.821.571.525</b>	<b>64.969.339.133</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.430.722.268	5.517.398.742
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		40.548.247.880	50.929.526.956
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	18.842.601.377	8.522.413.435
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>331.220.877.630</b>	<b>314.311.972.797</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>221.601.365.598</b>	<b>163.824.557.164</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	217.266.085.298	159.916.076.864
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	4.335.280.300	3.908.480.300
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>78.004.277.500</b>	<b>98.276.862.222</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	27.187.466.408	37.882.652.055
<i>Nguyên giá</i>	222		1.072.486.049.550	1.091.274.122.066
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.045.298.583.142)	(1.053.391.470.011)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	50.816.811.092	60.394.210.167
<i>Nguyên giá</i>	225		80.396.187.850	78.111.281.521
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(29.579.376.758)	(17.717.071.354)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		3.165.913.000	3.165.913.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.165.913.000)	(3.165.913.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>90.847.475</b>	<b>6.010.716.036</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		90.847.475	6.010.716.036
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>31.524.387.057</b>	<b>46.199.837.375</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	31.524.387.057	46.199.837.375
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.495.148.391.524</b>	<b>1.762.535.727.420</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.017.310.210.500</b>	<b>1.288.310.492.408</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>888.311.871.569</b>	<b>1.159.994.886.781</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	149.993.588.365	165.097.078.561
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	305.218.590.572	477.008.737.453
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	110.763.300	-
4. Phải trả người lao động	314		19.517.541.952	31.194.167.522
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	272.988.023.321	127.754.466.838
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	38.185.164.322	9.898.586.770
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	29.587.636.767	32.406.447.051
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	66.890.501.329	311.447.458.131
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	5.820.061.641	5.187.944.455
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>128.998.338.931</b>	<b>128.315.605.627</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	95.611.001.979	76.752.946.274
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	17.249.905.956	26.453.236.914
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	16.137.430.996	25.109.422.439
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>477.838.181.024</b>	<b>474.225.235.012</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>477.838.181.024</b>	<b>474.225.235.012</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		259.998.480.000	259.998.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		259.998.480.000	259.998.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		43.131.990.000	43.131.990.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		143.060.589.849	143.060.589.849
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.595.454.177	10.595.454.177
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.051.666.998	17.438.720.986
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	17.438.720.986
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.051.666.998	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.495.148.391.524</b>	<b>1.762.535.727.420</b>

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Trần Thị Bích Sen

Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Thủy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đắc Điệp

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.262.146.228.240	1.800.778.654.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.262.146.228.240	1.800.778.654.600
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.192.352.338.450	1.718.405.230.372
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.793.889.790	82.373.424.228
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	112.558.179.371	44.441.549.820
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	118.793.544.617	79.722.770.290
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.830.555.418	31.187.120.617
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	36.028.695.573	23.318.786.546
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.529.828.971	23.773.417.212
11. Thu nhập khác	31	VI.6	3.801.720.884	3.504.730.397
12. Chi phí khác	32	VI.7	512.240.450	1.277.967.446
13. Lợi nhuận khác	40		3.289.480.434	2.226.762.951
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.819.309.405	26.000.180.163
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	9.767.642.407	8.561.459.177
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>21.051.666.998</u>	<u>17.438.720.986</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>810</u>	<u>600</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>810</u>	<u>600</u>

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Trần Thị Bích Sen

Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Thủy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đắc Điệp

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.819.309.405	26.000.180.163
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9,10	29.588.753.710	29.632.133.359
- Các khoản dự phòng	03	V.6	2.025.372.584	(9.349.694.108)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	876.272.381	219.099.242
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.664.226.918)	(2.121.503.704)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	22.830.555.418	31.187.120.617
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		83.476.036.580	75.567.335.569
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26.882.510.699	30.173.881.488
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		122.632.287.259	(135.112.174.044)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(18.007.307.232)	318.300.942.084
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		17.762.126.792	(18.317.079.148)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(23.161.584.282)	(31.135.917.722)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(5.600.000.000)	(16.955.921.979)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	17.930.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(1.206.695.000)	(1.641.807.473)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>202.777.374.816</b>	<b>220.897.188.775</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.977.119.574)	(10.366.968.122)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.485.974.985	2.121.503.704
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.024.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.054.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		178.251.933	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(4.282.892.656)</b>	<b>(8.245.464.418)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	842.631.905.557	1.432.514.343.480
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(1.083.985.066.079)	(1.471.552.845.127)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.17	(17.350.097.137)	(15.394.124.413)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.477.712.291)	(12.759.411.075)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(278.180.969.950)</b>	<b>(67.192.037.135)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(79.686.487.790)</b>	<b>145.459.687.222</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>166.969.343.671</b>	<b>18.903.042.711</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(380.172.588)	2.606.613.738
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>86.902.683.293</b>	<b>166.969.343.671</b>

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Trần Thị Bích Sen

Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Thủy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đắc Điệp

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, sản xuất kinh doanh vật tư.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước; xây dựng, lắp đặt và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt; thi công bằng phương pháp khoan, nổ mìn; xây dựng công trình đường bộ; khai thác, sản xuất, kinh doanh điện; kinh doanh vật liệu, vật tư xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, phụ tùng xe máy, thiết bị phụ tùng xây dựng; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh và kinh doanh bất động sản, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; khai thác cát, đá sỏi, đất sét; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; sửa chữa thiết bị điện; truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa; xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện; bán buôn các vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong ngành xây dựng.

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 882 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 985 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ: tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Riêng công nợ với bên liên quan, dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

#### **Chi phí thuê văn phòng**

Chi phí thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

#### **Chi phí lán trại**

Chi phí lán trại được phân bổ vào chi phí theo thời gian hoặc sản lượng tùy theo quy định đầu thu của từng dự án.

#### **Chi phí chuẩn bị ban đầu công trình**

Chi phí chuẩn bị ban đầu công trình bao gồm chi phí sửa chữa trạm nghiên, cầu trục tháp, chi phí lán trại, công trình phụ trợ .... được phân bổ vào chi phí theo thời gian hoặc sản lượng tùy theo quy định đầu thu của từng dự án.

### **7. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

### **9. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty theo phương pháp đường thẳng và được áp dụng khấu hao nhanh không quá 2 lần đối với máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Trường hợp ngay tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, Công ty cam kết không mua lại tài sản thuê trong hợp đồng thuê tài chính thì tài sản được trích khấu hao theo thời hạn thuê trong hợp đồng.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### **Chương trình phần mềm máy tính**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

##### **Nhãn hiệu**

Nhãn hiệu bao gồm các chi phí liên quan đến việc mua quyền sử dụng thương hiệu "Sông Đà" và sử dụng nhãn chứng chỉ ISO 9001. Nhãn hiệu được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 13. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **16. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.109.134.130	2.492.789.236
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	83.793.549.163	164.476.554.435
<b>Cộng</b>	<b><u>86.902.683.293</u></b>	<b><u>166.969.343.671</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## 2. Phải thu của khách hàng

### 2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>36.860.023.464</b>	<b>57.037.476.883</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	24.570.591.875	47.712.698.105
Cơ quan Tổng công ty Sông Đà	344.384.609	5.705.397.562
Ban Điều hành dự án Thủy điện Sơn La <sup>(i)</sup>	15.729.500.872	15.729.500.872
Ban Điều hành dự án Thủy điện Hòa Na	-	5.781.093.277
Ban Điều hành dự án Thủy điện Lai Châu <sup>(i)</sup>	7.854.959.975	19.854.959.975
Ban Điều hành Thủy điện Xekaman 3	641.746.419	641.746.419
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	12.289.431.589	9.188.586.678
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (Chi nhánh 6.04)	-	136.192.100
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>500.116.680.966</b>	<b>570.282.600.872</b>
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	173.954.514.079	250.371.932.912
Tổng công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	118.777.128.485	118.777.128.485
Công ty TNHH Năng lượng Chaleun Sekong	33.317.756.071	48.911.490.246
Công ty TNHH Điện lực Nam Phak	93.034.638.503	65.319.865.316
Các khách hàng khác	81.032.643.828	86.902.183.913
<b>Cộng</b>	<b>536.976.704.430</b>	<b>627.320.077.755</b>

<sup>(i)</sup> Tại ngày báo cáo, quyền phải thu từ Ban Điều hành dự án thủy điện Lai Châu và Sơn La (Công trình Nậm Chiến) có giá trị ghi sổ lần lượt là 7.854.959.975 VND và 13.901.608.361 VND (tại ngày 31/12/2022 là 19.854.959.975 VND và 13.901.608.361 VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

### 2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Năng lượng Chaleun Sekong	157.867.671.615	149.906.361.745
Công ty TNHH Điện lực Nam Phak	59.398.413.683	10.009.715.119
<b>Cộng</b>	<b>217.266.085.298</b>	<b>159.916.076.864</b>

## 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>11.987.199.219</b>	<b>31.010.173.731</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.734.447.544	63.017.047
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	10.252.751.675	30.947.156.684
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>114.409.565.040</b>	<b>86.963.747.008</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	50.545.787.475	59.200.879.649
Công ty Cổ phần Lilama 10	27.004.041.457	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung	10.403.514.714	-
Các khách hàng khác	26.456.221.394	27.762.867.359
<b>Cộng</b>	<b>126.396.764.259</b>	<b>117.973.920.739</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản ứng trước cho nhà thầu phụ bằng tiền LAK theo Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 18/11/2023 của Hợp đồng thầu phụ số 235/2022/HĐTP/SD5-C47 ngày 24/7/2022. Theo đó, nếu nhà thầu phụ ứng trước tiền LAK ngoài số tiền tạm ứng ban đầu sẽ phải trả cho nhà thầu chính một khoản tiền lãi vay với lãi suất bằng lãi vay ngắn hạn của nhà thầu chính tại BIDV cộng thêm 0,5%.

#### 5. Phải thu khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	<b>1.316.075.506</b>	-
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	-	-	1.316.075.506	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>11.631.805.323</b>	-	<b>7.789.352.912</b>	-
Tạm ứng CBCNV	2.531.836.059	-	3.225.337.315	-
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	6.101.035.121	-	-	-
Phải thu thầu phụ	1.707.512.993	-	1.520.766.104	-
Ký cược, ký quỹ	144.471.400	-	421.799.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.146.949.750	-	2.621.450.493	-
<b>Cộng</b>	<b>11.631.805.323</b>	-	<b>9.105.428.418</b>	-

##### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

#### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các bên liên quan</i>	<b>641.746.419</b>	<b>(641.746.419)</b>	<b>641.746.419</b>	<b>(641.746.419)</b>
Ban Điều hành dự án Thủy điện Xekaman 3	641.746.419	(641.746.419)	641.746.419	(641.746.419)
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>12.049.922.787</b>	<b>(11.627.968.154)</b>	<b>9.602.595.570</b>	<b>(9.602.595.570)</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Cơ giới số 9	2.619.625.842	(2.619.625.842)	2.619.625.842	(2.619.625.842)
Cty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Quốc tế Huy Hoàng	1.600.000.000	(1.600.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	1.406.515.445	(984.560.812)	-	-
Các đối tượng khác	3.423.781.500	(3.423.781.500)	3.982.969.728	(3.982.969.728)
<b>Cộng</b>	<b>12.691.669.206</b>	<b>(12.269.714.573)</b>	<b>10.244.341.989</b>	<b>(10.244.341.989)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(10.244.341.989)	(19.594.036.097)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.752.980.905)	(23.315.798)
Hoàn nhập dự phòng	727.608.321	9.373.009.906
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.269.714.573</b>	<b>(10.244.341.989)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	3.916.354.802	-	606.921.991	-
Nguyên liệu, vật liệu	72.717.863.815	-	61.036.795.791	-
<i>Nguyên vật liệu chính</i>	40.692.476.712	-	25.974.315.543	-
<i>Phụ tùng thay thế</i>	25.607.658.246	-	21.086.670.524	-
<i>Vật liệu khác</i>	6.417.728.857	-	13.975.809.724	-
Công cụ, dụng cụ	4.950.320.536	-	9.274.205.760	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	267.913.160.484	-	401.212.063.354	-
<i>Công trình Hòa Phát</i>	115.645.787.787	-	249.053.725.422	-
<i>Công trình Nậm E Moun</i>	2.255.593.601	-	54.666.315.672	-
<i>Công trình Nam Phak</i>	119.302.481.656	-	61.915.616.092	-
<i>Các công trình khác</i>	30.709.297.440	-	35.576.406.168	-
<b>Cộng</b>	<b>349.497.699.637</b>	<b>-</b>	<b>472.129.986.896</b>	<b>-</b>

#### 8. Chi phí trả trước

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.352.699.992	4.685.524.336
Chi phí lán trại	10.822.276	753.091.071
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	67.200.000	78.783.335
<b>Cộng</b>	<b>2.430.722.268</b>	<b>5.517.398.742</b>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.588.241.421	4.349.364.770
Chi phí thuê văn phòng <sup>(*)</sup>	24.266.349.350	24.945.128.354
Chi phí lán trại	240.694.410	2.059.934.576
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	5.353.527.407	12.651.727.502
Chi phí di chuyển thiết bị thi công	75.574.469	1.441.768.342
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	751.913.831
<b>Cộng</b>	<b>31.524.387.057</b>	<b>46.199.837.375</b>

(\*) Chi phí thuê văn phòng sàn tầng 4, tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, khu đô thị Sông Đà Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam có chi phí thuê còn lại theo sổ sách là 24.266.349.350 VND được thế chấp, cầm cố tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sóng Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	9.784.042.500	1.017.494.309.918	59.897.933.283	4.097.836.365	1.091.274.122.066
Mua trong năm	-	1.647.818.182	453.877.818	59.090.909	2.160.786.909
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	3.618.293.932	1.252.181.818	-	4.870.475.750
Phân loại lại	-	249.000.000	-	(249.000.000)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(24.331.776.083)	(1.445.740.910)	(41.818.182)	(25.819.335.175)
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.784.042.500</b>	<b>998.677.645.949</b>	<b>60.158.252.009</b>	<b>3.866.109.092</b>	<b>1.072.486.049.550</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.784.042.500	919.168.340.932	38.287.346.504	3.621.200.001	970.860.929.937
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	9.784.042.500	987.095.384.248	52.779.075.953	3.732.967.310	1.053.391.470.011
Khấu hao trong năm	-	10.703.037.598	2.975.802.621	85.113.297	13.763.953.516
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	2.746.996.794	1.215.497.996	-	3.962.494.790
Phân loại lại	-	42.437.097	-	(42.437.097)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(24.331.776.083)	(1.445.740.910)	(41.818.182)	(25.819.335.175)
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.784.042.500</b>	<b>976.256.079.654</b>	<b>55.524.635.660</b>	<b>3.733.825.328</b>	<b>1.045.298.583.142</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	-	30.398.925.670	7.118.857.330	364.869.055	37.882.652.055
<b>Số cuối năm</b>	-	<b>22.421.566.295</b>	<b>4.633.616.349</b>	<b>132.283.764</b>	<b>27.187.466.408</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 16.906.761.234 VND đã được thế chấp, cầm cố tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	65.465.292.997	12.645.988.524	78.111.281.521
Thuê tài chính trong năm	4.732.948.148	2.411.758.181	7.144.706.329
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(3.614.318.182)	(1.245.481.818)	(4.859.800.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>66.583.922.963</b>	<b>13.812.264.887</b>	<b>80.396.187.850</b>
<b>Trong đó:</b>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	15.773.852.802	1.943.218.552	17.717.071.354
Khấu hao trong năm	12.829.576.417	2.995.223.777	15.824.800.194
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(2.746.996.794)	(1.215.497.996)	(3.962.494.790)
<b>Số cuối năm</b>	<b>25.856.432.425</b>	<b>3.722.944.333</b>	<b>29.579.376.758</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	49.691.440.195	10.702.769.972	60.394.210.167
<b>Số cuối năm</b>	<b>40.727.490.538</b>	<b>10.089.320.554</b>	<b>50.816.811.092</b>

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Là nhãn hiệu và chương trình phần mềm máy tính, đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng.

#### 12. Phải trả người bán

##### 12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>34.285.083.439</b>	<b>6.491.745.337</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	745.357.750	429.850.112
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	2.409.533.985	2.409.533.985
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	27.210.517.155	235.683.494
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	3.919.674.549	3.416.677.746
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>115.708.504.926</b>	<b>158.605.333.224</b>
Công ty Cổ phần E&C Hòa Hợp Phát	9.656.054.136	9.044.659.556
Công ty Cổ phần Thương mại Vật tư Vận tải & Xây lắp Thịnh Hưng - CN Dung quất Quảng Ngãi	12.013.387.624	4.944.109.985
Công ty Cổ phần Xăng dầu Thụy Dương	1.208.454.460	17.067.410.400
Các nhà cung cấp khác	92.830.608.706	127.549.153.283
<b>Cộng</b>	<b>149.993.588.365</b>	<b>165.097.078.561</b>

##### 12b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>69.657.697.387</b>	<b>57.746.465.543</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	69.657.697.387	55.336.931.558
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	-	2.409.533.985
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>25.953.304.592</b>	<b>19.006.480.731</b>
Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	18.384.740.900	18.165.968.467
Các khách hàng khác	7.568.563.692	840.512.264
<b>Cộng</b>	<b>95.611.001.979</b>	<b>76.752.946.274</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	-	56.451.289.000
Công ty TNHH Điện lực Nam Phak	248.879.413.861	382.768.854.709
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	56.244.576.711	37.031.101.244
Các khách hàng khác	94.600.000	757.492.500
<b>Cộng</b>	<b><u>305.218.590.572</u></b>	<b><u>477.008.737.453</u></b>

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	4.307.467.694	-	(14.487.830.349)	-	18.795.298.043
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	743.286.166	(743.286.166)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	20.176.037	(20.176.037)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (**)	4.214.945.741	9.767.642.407	(5.600.000.000)	-	47.303.334
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.536.982.817	(2.426.219.517)	110.763.300	-
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>8.522.413.435</u></b>	<b><u>13.071.087.427</u></b>	<b><u>(23.280.512.069)</u></b>	<b><u>110.763.300</u></b>	<b><u>18.842.601.377</u></b>

(\*) Thuế giá trị gia tăng hoạt động xây dựng thực hiện tại các tỉnh khác với trụ sở chính phải nộp theo tỷ lệ 1% trên doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng. Số thuế giá trị gia tăng đã nộp tại tỉnh nơi có công trình xây dựng sẽ được bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp tại trụ sở chính.

(\*\*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã thực nộp trong năm bao gồm:

Nộp tại Lào được trừ khi quyết toán thuế TNDN tại Việt Nam : 5.600.000.000

Nộp tại Việt Nam : 0

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau

- Dịch vụ, hàng hóa xuất khẩu 0%
- Dịch vụ, hàng hóa trong nước 8% và 10%

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.819.309.405	26.000.180.163
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	16.056.302.527	13.773.631.791
- Các khoản điều chỉnh tăng	16.795.022.639	13.773.631.791
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(738.720.112)</u>	<u>-</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập tính thuế	46.875.611.932	39.773.811.954
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>9.375.122.386</b>	<b>7.954.762.391</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>392.520.021</b>	<b>606.696.786</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>9.767.642.407</b>	<b>8.561.459.177</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### **15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	50.372.644	381.401.508
Trích trước chi phí công trình	272.937.650.677	127.373.065.330
<i>Trong đó: Trích trước chi phí thầu phụ</i>	<i>205.995.651.537</i>	<i>66.704.605.293</i>
<b>Cộng</b>	<b>272.988.023.321</b>	<b>127.754.466.838</b>

#### **16. Doanh thu chưa thực hiện**

Là doanh thu nhận trước của Công trình Nam Phak.

#### **17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>11 018 296 601</b>	<b>13 659 694 438</b>
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1 009 288 601	1 148 434 438
Cổ tức phải trả Tổng công ty Sông Đà - CTCP	10.009.008.000	12.511.260.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>18 569 340 166</b>	<b>18 746 752 613</b>
Kinh phí công đoàn	1 939 415 850	2 197 057 212
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	6.072.466.004	7.448.017.495
Thuế TNDN phải nộp tại CHDCND Lào <sup>(*)</sup>	3.358.152.790	2.981.942.583
Quỹ cơ quan	1.135.725.163	1.008.609.480
Quỹ đồng nghiệp	2.381.816.649	2.098.225.951
Các khoản phải trả khác	3.681.763.710	3.012.899.892
<b>Cộng</b>	<b>29.587.636.767</b>	<b>32.406.447.051</b>

<sup>(\*)</sup> Công ty phải nộp thuế TNDN năm 2023 tại nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào với thuế suất 3% tính trên doanh thu tại công trình Thủy điện Nặm Emoun và công trình Thủy điện Nam Phak phát sinh tại Lào.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 18. Vay và nợ thuê tài chính

### 18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>66.890.501.329</b>	<b>294.337.389.403</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 <sup>(i)</sup>	29.851.736.428	151.950.551.936
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành <sup>(ii)</sup>	23.132.492.373	83.909.773.490
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương <sup>(iii)</sup>	-	49.525.983.846
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội <sup>(iv)</sup>	-	8.951.080.131
<b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</b>	<b>13.906.272.528</b>	<b>17.110.068.728</b>
<b>Cộng</b>	<b>66.890.501.329</b>	<b>311.447.458.131</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 với hạn mức tín dụng ngắn hạn thường xuyên tối đa là 2.300 tỷ VND (Hạn mức chung là 800 tỷ và hạn mức riêng cho Dự án Thủy điện Nam Phak – Lào là 1.500 tỷ), trong đó giới hạn cho vay ngắn hạn, mở LC, bảo lãnh thanh toán không vượt quá 950 tỷ VND (Hạn mức chung 300 tỷ, hạn mức riêng cho DATD Nam Phak – Lào 650 tỷ) với mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay/thời hạn bảo lãnh/ thời hạn L/C, lãi suất khoảng từ 7% đến 8,9%/năm trong 6-8 tháng.

Trong năm 2023, khi lãi suất cho vay các ngân hàng có biến động mạnh và tăng cao, Công ty đã thực hiện việc vay hoán đổi tiền tệ chéo giữa đồng tiền USD và VND để đảm bảo việc giảm chi phí lãi vay với lãi suất vay hoán đổi thấp hơn lãi suất cho vay VND thông thường là khoảng 0,5%-1%/năm cho từng khoản vay với thời hạn cho vay 8 tháng.

“Giao dịch hoán đổi tiền tệ chéo hay giao dịch hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền” – Cross Currency Swap (CCS): Là giao dịch hoán đổi lãi suất, trong đó các bên thỏa thuận định kỳ thanh toán cho nhau khoản tiền lãi bằng hai đồng tiền khác nhau tính trên giá trị khoản vốn danh nghĩa; việc trao đổi hoặc không trao đổi giá trị khoản vốn danh nghĩa do hai bên thỏa thuận, trường hợp có trao đổi giá trị khoản vốn danh nghĩa ban đầu hoặc từng phần trong kỳ hoặc cuối cùng thì áp dụng theo tỷ giá cố định được thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ giá tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng phái sinh lãi suất.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành, hạn mức tín dụng tối đa là 360 tỷ VND mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thi công xây lắp, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng với lãi suất vay từ 6%-8%/năm trong 6 tháng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, hạn mức tín dụng tối đa là 120 tỷ VND mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 8 tháng kể từ ngày tiếp theo của giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất từ 6,5% đến 8,5%/năm trong vòng 8 tháng.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Hà Nội, hạn mức tín dụng tối đa là 250 tỷ VND mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất trong khoản từ 6% đến 8,5%/năm theo từng giấy nhận nợ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	294.337.389.403	17.110.068.728	311.447.458.131
Số tiền vay phát sinh trong năm	842.631.905.557	13.906.272.448	856.565.824.141
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.083.967.659.333)	(17.110.068.648)	(1.101.122.780.943)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	(17.406.826)	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>52.984.228.801</b>	<b>13.906.272.528</b>	<b>66.890.501.329</b>

#### 18b. Nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	11.705.999.584	12.982.195.844
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumi TRUST - Chi nhánh Hà Nội	4.316.743.863	11.549.962.336
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội	114.687.549	577.264.259
<b>Cộng</b>	<b>16.137.430.996</b>	<b>25.109.422.439</b>

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền gốc phải trả	13.906.272.528	16.137.430.996	30.043.703.524
Lãi thuê phải trả	2.060.552.899	1.510.043.707	3.570.596.606
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>15.966.825.427</b>	<b>17.647.474.703</b>	<b>33.614.300.130</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền gốc phải trả	17.110.068.728	25.109.422.439	42.219.491.167
Lãi thuê phải trả	2.996.352.401	2.682.756.797	5.679.109.198
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>20.106.421.129</b>	<b>27.792.179.236</b>	<b>47.898.600.365</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	25.109.422.439
Số tiền vay phát sinh trong năm	5.174.309.414
Số tiền vay đã trả trong năm	(240.028.409)
Số kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(13.906.272.448)
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.137.430.996</b>

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số đầu năm	897.381.938	4.290.562.517	5.187.944.455
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	551.643.656	1.287.168.530	1.838.812.186
Chi quỹ trong năm	(821.500.000)	(385.195.000)	(1.206.695.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>627.525.594</b>	<b>5.192.536.047</b>	<b>5.820.061.641</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5**

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sóng Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	259.998.480.000	43.131.990.000	143.060.589.849	10.595.454.177	21.565.159.188	478.351.673.214
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	17.438.720.986	17.438.720.986
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.065.273.188)	(2.065.273.188)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.499.886.000)	(19.499.886.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>259.998.480.000</b>	<b>43.131.990.000</b>	<b>143.060.589.849</b>	<b>10.595.454.177</b>	<b>17.438.720.986</b>	<b>474.225.235.012</b>
Số dư đầu năm nay	259.998.480.000	43.131.990.000	143.060.589.849	10.595.454.177	17.438.720.986	474.225.235.012
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	21.051.666.998	21.051.666.998
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.838.812.186)	(1.838.812.186)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(15.599.908.800)	(15.599.908.800)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>259.998.480.000</b>	<b>43.131.990.000</b>	<b>143.060.589.849</b>	<b>10.595.454.177</b>	<b>21.051.666.998</b>	<b>477.838.181.024</b>

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	166.816.800.000	166.816.800.000
Cổ đông khác	93.181.680.000	93.181.680.000
<b>Cộng</b>	<b>259.998.480.000</b>	<b>259.998.480.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	25.999.848	25.999.848
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	25.999.848	25.999.848
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.999.848	25.999.848

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-SĐ5-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (6% vốn điều lệ)	: 15.599.908.800
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 1.838.812.186

Nghị quyết số 01/2024/NQ-SĐ5-HĐQT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng quản trị phê duyệt thời gian chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền vào ngày 21 tháng 3 năm 2024 với tỷ lệ 6%/cổ phiếu, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 06 tháng 3 năm 2024.

#### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 21a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.745.248,06	174.836,77
Kíp Lào (LAK)	2.042.056.011	31.946.332.564
Bath Thái (THB)	6.607.601,79	179.083.525,12

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	55.636.408.372	6.043.713.494
Doanh thu bán vật tư, cung cấp dịch vụ	234.519.907.181	219.959.999.109
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.971.989.912.687	1.574.774.941.997
<b>Cộng</b>	<b><u>2.262.146.228.240</u></b>	<b><u>1.800.778.654.600</u></b>

#### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cơ quan Tổng công ty Sông Đà – CTCP		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	1.487.239.826
Giảm trừ khối lượng	(5.985.913.914)	(2.019.977.832)
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	273.221.581	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	386.675.913	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	535.929.905	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	107.097.963.111	23.843.188.689
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	2.857.500	2.304.797

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán thành phẩm	55.636.408.372	6.043.713.494
Giá vốn bán vật tư, cung cấp dịch vụ	220.033.326.625	210.012.883.926
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.916.682.603.453	1.502.348.632.952
<b>Cộng</b>	<b>2.192.352.338.450</b>	<b>1.718.405.230.372</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	53.083.978	211.270.458
Lãi tiền cho vay	178.251.933	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	112.105.042.848	44.230.279.362
Chiết khấu thanh toán	221.800.612	-
<b>Cộng</b>	<b>112.558.179.371</b>	<b>44.441.549.820</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	22.830.555.418	31.187.120.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	95.086.716.818	48.316.550.431
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	876.272.381	219.099.242
<b>Cộng</b>	<b>118.793.544.617</b>	<b>79.722.770.290</b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	21.510.992.000	21.027.765.477
Chi phí vật liệu quản lý	485.058.425	467.737.585
Chi phí đồ dùng văn phòng	982.432.541	2.015.416.691
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.999.996	6.608.331
Thuế, phí và lệ phí	47.107.650	46.175.181
Dự phòng phải thu khó đòi	2.025.372.584	(9.349.694.108)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.816.304.011	6.853.814.022
Các chi phí khác	2.148.428.366	2.250.963.367
<b>Cộng</b>	<b>36.028.695.573</b>	<b>23.318.786.546</b>

#### 6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.485.974.985	2.121.503.704
Thanh lý vật tư, công cụ, dụng cụ	160.112.728	394.960.909
Xử lý công nợ theo biên bản thanh tra Thuế	600.000.000	-
Thu nhập khác	555.633.171	988.265.784
<b>Cộng</b>	<b>3.801.720.884</b>	<b>3.504.730.397</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý vật tư, công cụ, dụng cụ	4.328.805	20.396.015
Các khoản phạt vi phạm hành chính, vi phạm hợp đồng, chậm nộp	450.645.698	781.790.171
Chi phí khác kỳ doanh thu các công trình	-	370.661.322
Chi phí khác	57.265.947	105.119.938
<b>Cộng</b>	<b><u>512.240.450</u></b>	<b><u>1.277.967.446</u></b>

#### 8. Lãi trên cơ bản cổ phiếu

##### 8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.051.666.998	17.438.720.986
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.838.812.186)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	21.051.666.998	15.599.908.800
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	25.999.848	25.999.848
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>810</u></b>	<b><u>600</u></b>

##### 8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 6 năm 2023, làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 671 VND/CP xuống còn 600 VND/CP.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay chưa trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có thông tin một cách đáng tin cậy về số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	391.060.647.614	358.648.964.669
Chi phí nhân công	182.676.206.404	182.056.214.690
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.588.753.710	29.632.133.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.349.154.148.020	1.205.165.223.366
<i>Trong đó: Chi phí thuê thầu phụ thi công</i>	<i>1.041.473.048.326</i>	<i>943.517.303.712</i>
Chi phí khác	142.602.375.405	85.771.799.990
<b>Cộng</b>	<b><u>2.095.082.131.153</u></b>	<b><u>1.861.274.336.074</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm nay</b>				
<b>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>				
Lê Văn Tuấn	(Chủ tịch từ ngày 28/6/2023)	150.000.000	36.000.000	186.000.000
Trần Anh Đức	(Chủ tịch đến ngày 28/6/2023)	-	72.000.000	72.000.000
Nguyễn Đắc Điệp	Thành viên / Tổng Giám đốc	534.426.087	84.000.000	618.426.087
Nguyễn Ngọc Đông	Thành viên / Phó Tổng Giám đốc	414.894.932	84.000.000	498.894.932
Nguyễn Đại Thụ	Thành viên độc lập	-	84.000.000	84.000.000
Vũ Đức Quang	Thành viên	-	84.000.000	84.000.000
Nguyễn Mạnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	385.362.777		385.362.777
<b>Ban Kiểm soát</b>				
Phạm Quang Tuấn	Trưởng ban	189.406.250	35.000.000	224.406.250
Nguyễn Hồng Vân	Thành viên	-	60.000.000	60.000.000
Trần Quang Hưng	Thành viên	-	60.000.000	60.000.000
<b>Kế toán trưởng</b>				
Nguyễn Trọng Thùy	Kế toán trưởng	374.823.548	-	374.823.548
<b>Cộng</b>		<b>2.048.913.594</b>	<b>599.000.000</b>	<b>2.647.913.594</b>

**Năm trước**

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Trần Anh Đức	Chủ tịch	-	144.000.000	144.000.000
Nguyễn Đắc Điệp	Thành viên / Tổng Giám đốc	522.621.985	84.000.000	606.621.985
Nguyễn Ngọc Đông	Thành viên / Phó Tổng Giám đốc	381.760.567	84.000.000	465.760.567
Nguyễn Đại Thụ	Thành viên độc lập	-	84.000.000	84.000.000
Vũ Đức Quang	Thành viên	-	84.000.000	84.000.000
Nguyễn Mạnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	379.956.122	-	379.956.122

**Ban Kiểm soát**

Phạm Quang Tuấn	Trưởng ban	336.170.455	-	336.170.455
Nguyễn Hồng Vân	Thành viên	-	60.000.000	60.000.000
Trần Quang Hưng	Thành viên	-	60.000.000	60.000.000

**Kế toán trưởng**

Nguyễn Trọng Thùy	Kế toán trưởng	367.287.117	-	367.287.117
<b>Cộng</b>		<b>1.987.796.247</b>	<b>600.000.000</b>	<b>2.587.796.247</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

##### Bên liên quan khác

##### Mối quan hệ

Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Công ty mẹ

Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Công ty cùng Tập đoàn

##### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Công ty còn phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP		
<i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i>	4.188.004.619	1.108.431.899
<i>Cổ tức công bố</i>	10.009.008.000	12.511.260.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		
<i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i>	-	13.111.942.321
Công ty Cổ phần Sông Đà 6		
<i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i>	1.844.126.057	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà		
<i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i>	15.620.897.595	18.125.420.358
Công ty Cổ phần Sông Đà 10		
<i>Lãi cho vay</i>	156.155.133	-
<i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i>	287.515.531.483	69.534.921.365
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1		
<i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i>	387.500.000	847.500.000

##### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.5, V.6, V.12 và V.17.

#### 2. **Thông tin về bộ phận**

##### 2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh xây dựng công nghiệp.

##### 2b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài (Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Trong nước</u>	<u>Nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.006.381.525.577	1.255.764.702.663	2.262.146.228.240
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.006.381.525.577</b>	<b>1.255.764.702.663</b>	<b>2.262.146.228.240</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	35.064.144.117	34.729.745.673	69.793.889.790
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(36.028.695.573)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			33.765.194.217
Doanh thu hoạt động tài chính	311.273.137	112.246.906.234	112.558.179.371
Chi phí tài chính	(22.840.758.083)	(95.952.786.534)	(118.793.544.617)
Thu nhập khác			3.801.720.884
Chi phí khác			(512.240.450)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(9.767.642.407)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>21.051.666.998</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>312.675.750</b>	<b>1.858.786.909</b>	<b>2.171.462.659</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>14.284.764.660</b>	<b>15.303.989.050</b>	<b>29.588.753.710</b>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.028.062.549.831	772.716.104.769	1.800.778.654.600
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.028.062.549.831</b>	<b>772.716.104.769</b>	<b>1.800.778.654.600</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	49.459.788.395	32.913.635.833	82.373.424.228
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(23.318.786.546)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			59.054.637.682
Doanh thu hoạt động tài chính			44.441.549.820
Chi phí tài chính			(79.722.770.290)
Thu nhập khác			3.504.730.397
Chi phí khác			(1.277.967.446)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(9.756.051.403)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>17.438.720.986</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>8.316.015.193</b>	<b>2.050.952.929</b>	<b>10.366.968.122</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>16.327.384.756</b>	<b>13.304.748.603</b>	<b>29.632.133.359</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	<u>Trong nước</u>	<u>Nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>462.614.575.869</u>	<u>245.677.212.320</u>	708.291.788.189
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			786.856.603.335
<b>Tổng tài sản</b>			<b><u>1.495.148.391.524</u></b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<u>241.022.779.483</u>	<u>286.499.081.200</u>	527.521.860.683
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			489.788.349.817
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b><u>1.017.310.210.500</u></b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>730.001.780.599</u>	<u>200.704.126.935</u>	930.705.907.534
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	831.829.819.886
<b>Tổng tài sản</b>			<b><u>1.762.535.727.420</u></b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<u>251.519.426.863</u>	<u>141.284.556.793</u>	392.803.983.656
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	895.506.508.752
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b><u>1.288.310.492.408</u></b>

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện đã công bố tại Thuyết minh số V.20, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Trần Thị Bích Sen

Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Thủy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đắc Điệp